

Bản án số: 14/2024/DS-ST

Ngày: 03 – 7 - 2024

V/v: “Tranh chấp hợp đồng
tín dụng”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Mạnh Hớn
- Ông Phạm Văn Đảo

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Thuý Hoa – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Hương – Kiểm sát viên

Trong ngày 03 tháng 7 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 138/2023/TLST-DS về việc “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2024/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2024/QĐHST-DS ngày 18 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng N (Viết tắt là Ngân hàng); địa chỉ: Số B, L, phường T, quận B, Thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Chí C – Chức vụ: Trưởng phòng Kế hoạch và Kinh Doanh Ngân hàng N chi nhánh huyện B, tỉnh Bình Phước “có mặt”

- **Bị đơn:** Bà Thị L, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn B, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước “Vắng mặt”

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Ông Điều T, sinh năm 1981. Địa chỉ: Thôn B, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước “Vắng mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn **Ngân hàng N** và người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn cùng thống nhất trình bày như sau:

Ngày 20 tháng 6 năm 2018, **Ngân hàng N** (viết tắt: Ngân hàng) và bà **Thị L** có ký thoả thuận tại sổ vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn số 5617-LAV-201803942. Theo đó Ngân hàng đã cho bà **Thị L** vay số tiền là 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất cho vay trong hạn 9.1%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn, phạt chậm trả lãi là 10%/ năm; mục đích vay vốn là chăn nuôi bò. Ngân hàng đã giải ngân số tiền 60.000.000 đồng vào ngày 20/6/2018 cho bà **Thị L**.

Phân kỳ hạn trả nợ gốc 1 kỳ, vào ngày 20/6/2019;

Phân kỳ trả lãi 12 tháng/lần

Để đảm bảo khoản nợ trên, bà **Thị L** và ông **Điều T** có lập hợp đồng gửi giữ tài sản là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV901001, số vào sổ cấp GCN:CH 00163/ĐL đối với diện tích 179,5m² thuộc thửa đất số 00, tờ bản đồ số 00 tọa lạc tại: **thôn B, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước** được **Ủy ban nhân dân huyện B**, cấp ngày 15/4/2015 cho ông **Điều T** và bà **Thị L**.

Tuy nhiên, đến nay đã quá hạn trả nợ gốc và lãi nhưng bà **Thị L** và ông **Điều T** không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng thoả thuận. Nay, Ngân hàng làm đơn khởi kiện yêu cầu Toà án nhân dân huyện Bù Gia Mập giải quyết buộc bà **Thị L** và ông **Điều T** trả nợ cho Ngân hàng số tiền vay gốc là 60.000.000 (Sáu mươi triệu) đồng và lãi suất theo hợp đồng tín dụng, thời gian tính lãi từ ngày vay cho đến khi trả hết nợ.

Số tiền lãi tính đến ngày 03/7/2024 là 47.720.795 đồng (trong đó tiền lãi trong hạn là 5.549.753 đồng và tiền lãi quá hạn là 42.171.041 đồng)

Tổng số tiền cả gốc và lãi bà **Thị L** phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng là 107.171.041 đồng (*Một trăm linh bảy triệu một trăm bảy mươi một nghìn không trăm bốn mươi một đồng*)

Trong trường hợp bà **Thị L** và ông **Điều T** không trả nợ, Ngân hàng yêu cầu Toà án xử lý tài sản gửi giữ để đảm bảo thu hồi nợ cho Ngân hàng. Trường hợp xử lý tài sản đảm bảo không đủ để thực hiện nghĩa vụ, thì yêu cầu bà **Thị L** và ông **Điều T** có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng đến khi hoàn thành nghĩa vụ.

Tại phiên tòa, đại diện theo uỷ quyền của Ngân hàng có yêu cầu xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, trong đó rút phần khởi kiện ông **Điều T** và yêu cầu xử lý tài sản gửi giữ.

2. Bị đơn bà **Thị L** và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Điều T**: Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, bà **Thị L** và ông **Điều T** đều bỏ đi khỏi địa phương.

Toà án nhân dân huyện Bù Gia Mập đã xác minh nơi cư trú và tiến hành niêm yết các thủ tục tố tụng: triệu tập làm việc; thông báo thụ lý vụ án; thông báo tìm kiếm nơi cư trú và triệu tập tham gia phiên tòa theo quy định.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập như sau:*

- Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký đã chấp hành đúng quy định của Luật Tố tụng dân sự; Các đương sự thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của Luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc bà **Thị L** có nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng số tiền 60.000.000 (Sáu mươi triệu) đồng và lãi suất theo hợp đồng tín dụng.

Đình chỉ yêu cầu của Ngân hàng buộc ông **Điều T** có nghĩa vụ trả nợ và xử lý tài sản gửi giữ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền và thủ tục tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, đương sự không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đều hợp pháp.

Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là dân sự cụ thể là tranh chấp hợp đồng tín dụng, bởi bên vay ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng, mục đích vay tiêu dùng cá nhân và bị đơn bà **Thị L** có nơi cư trú tại **thôn B, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước**, Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền về loại việc và lãnh thổ theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự:

Tòa án đã tiến hành triệu tập, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn bà **Thị L** và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Điều T**, tuy nhiên bà **Thị L** và ông **Điều T** đều vắng mặt. Đến ngày 19/12/2023, Tòa án xác minh tại chính quyền địa phương thì được biết bà **Thị L** và ông **Điều T** có đăng ký hộ khẩu thường trú tại **thôn B, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước** nhưng hiện không có mặt tại địa phương, không rõ đi đâu làm gì và khi đi khỏi địa phương bà **Thị L** và ông **Điều T** đều không thông báo với cơ quan chính quyền địa phương. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 5 Nghị quyết 04/2017 ngày 05/5/2017 thì trong đơn khởi kiện, nguyên đơn đã ghi đầy đủ, đúng địa chỉ nơi cư trú của bị đơn theo sổ đăng ký hộ khẩu, địa chỉ trong Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Bà **Thị L** và ông **Điều T** hiện nay không có mặt tại địa phương, khi thay đổi địa chỉ đã không thông báo địa chỉ mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ. Đồng thời, Tòa án cũng đã thực hiện việc đăng Thông báo triệu tập tham gia tố tụng trên Cổng thông tin điện tử Tòa án nhân dân tối cao và **T1** thông tin điện tử Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước; đăng tin trên **B** trong 03 kỳ liên tiếp; Đăng tin 03 kỳ liên tiếp tại Chi nhánh **Trung tâm Q** tại Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 180 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Tòa án đã hoãn phiên toà mở lần thứ nhất vào ngày 18/6/2024 do bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng quy định của pháp luật.

[3.] Về nội dung vụ án:

Ngày 20 tháng 6 năm 2018, **Ngân hàng N** (viết tắt: Ngân hàng) và bà **Thị L** có ký kết thoả thuận tại sổ vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn số 5617-LAV-201803942. Theo đó Ngân hàng đã cho bà **Thị L** vay số tiền là 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất cho vay trong hạn 9.1%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn, phạt chậm trả lãi là 10%/ năm; mục đích vay vốn là chăn nuôi bò. Ngân hàng đã giải ngân số tiền 60.000.000 đồng vào ngày 20/6/2018 cho bà **Thị L**.

Phân kỳ hạn trả nợ gốc 1 kỳ, vào ngày 20/6/2019;

Phân kỳ trả lãi 12 tháng/lần

Tuy nhiên, đến nay đã quá hạn trả nợ gốc và lãi nhưng bà **Thị L** không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng thoả thuận theo hợp đồng tín dụng đã ký kết là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Tính đến ngày xét xử, bà **Thị L** còn nợ Ngân hàng tổng số tiền vay gốc là 60.000.000 đồng (*Sáu mươi triệu đồng*) và số tiền lãi

tính đến ngày 03/7/2024 là 47.720.795 đồng (trong đó tiền lãi trong hạn là 5.549.753 đồng và tiền lãi quá hạn là 42.171.041 đồng)

Tổng số tiền cả gốc và lãi bà **Thị L** phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng là 107.171.041 đồng (*Một trăm linh bảy triệu một trăm bảy mươi một nghìn không trăm bốn mươi một đồng*)

Để đảm bảo cho khoản vay tín dụng, bà **Thị L** đã gửi giữ cho Ngân hàng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV901001, số vào sổ cấp GCN:CH 00163/ĐL đối với diện tích 179,5m² thuộc thửa đất số 00, tờ bản đồ số 00 tọa lạc tại: **thôn B, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước** được **Ủy ban nhân dân huyện B**, cấp ngày 15/4/2015 cho ông **Điều T** và bà **Thị L**.

Hội đồng xét xử nhận thấy, Hợp đồng tín dụng là sổ vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn số 5617-LAV-201803942 ngày 20/6/2018 được **Ngân hàng N** và bà **Thị L** xác lập và ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có hình thức và nội dung, mục đích không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội, phù hợp với các quy định của pháp luật tại khoản 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91, điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên có hiệu lực pháp luật và các bên phải có nghĩa vụ thực hiện theo đúng cam kết.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng buộc bà **Thị L** có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng tính đến ngày xét xử vụ án (ngày 03/7/2024) với tiền nợ gốc là 60.000.000 đồng (*Sáu mươi triệu đồng*) và số tiền lãi tính đến ngày 03/7/2024 là 47.720.795 đồng (*Bốn mươi bảy triệu bảy trăm hai mươi nghìn bảy trăm chín mươi lăm đồng*)

Tổng số tiền cả gốc và lãi bà **Thị L** phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng là 107.171.041 đồng (*Một trăm linh bảy triệu một trăm bảy mươi một nghìn không trăm bốn mươi một đồng*)

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng có yêu cầu xin rút một phần khởi kiện không yêu cầu ông **Điều T** có nghĩa vụ trả nợ và không yêu cầu Tòa án xử lý tài sản gửi giữ là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV901001, số vào sổ cấp GCN:CH 00163/ĐL đối với diện tích 179,5m² thuộc thửa đất số 00, tờ bản đồ số 00 tọa lạc tại: **thôn B, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước** được **Ủy ban nhân dân huyện B**, cấp ngày 15/4/2015 cho ông **Điều T** và bà **Thị L**. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ và hoàn toàn tự nguyện nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ngân hàng.

[4]. Về các chi phí tố tụng: đo đạc, xem xét thẩm định và đăng tin là 7.033.000đ (*Bảy triệu, không trăm ba mươi ba nghìn đồng*), do nguyên đơn

Ngân hàng tự nguyện chịu và đã nộp chi phí cho Tòa án nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên bị đơn bà **Thị L** phải nộp án phí dân sự theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Nguyên đơn được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 70; Điều 91; khoản 1 Điều 147; Điều 157; Điều 179; Điều 180; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự

Căn cứ các Điều 213, 218, điểm b, khoản 1 của Điều 117, Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự 2015

Căn cứ Điều 91; Điều 95; Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP11/01/2019 Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH1430/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng N**

Buộc bà **Thị L** phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 60.000.000 đồng (*Sáu mươi triệu đồng*) và số tiền lãi tính đến ngày 03/7/2024 là 47.720.795 đồng (*Bốn mươi bảy triệu bảy trăm hai mươi nghìn bảy trăm chín mươi lăm đồng*)

Tổng số tiền cả gốc và lãi bà **Thị L** phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng là 107.171.041 đồng (*Một trăm linh bảy triệu một trăm bảy mươi một nghìn không trăm bốn mươi một đồng*)

Kể từ ngày 04/7/2024 cho đến khi thi hành án xong bà **Thị L** còn phải tiếp tục chịu lãi suất trên số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc buộc ông **Điền T** có nghĩa vụ liên đới trả tiền nợ cho Ngân hàng và yêu cầu xử lý tài sản gửi giữ là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV901001, số vào sổ cấp GCN:CH 00163/ĐL đối với diện tích 179,5m² thuộc thửa đất số 00, tờ bản đồ số 00 tọa

lạc tại: thôn B, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước được Ủy ban nhân dân huyện B, cấp ngày 15/4/2015 cho ông **Điêu T** và bà **Thị L**.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn là bà **Thị L** phải chịu 5.358.552 đồng (*Năm triệu ba trăm năm mươi tám nghìn năm trăm năm mươi hai đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí 2.465.000 đồng (*Hai triệu bốn trăm sáu mươi lăm nghìn đồng*) đã nộp tại **Chi cục THADS huyện B** theo biên lai số 0006677 ngày 24/11/2023.

4. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Bù Gia Mập;
- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS H. Bù Gia Mập;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tuyết